



*À 17 ans, il expire, et dans des tourments horribles*

# CHẾT Ở TUỔI 17

*"Những hậu quả chết người của sự thủ dâm"*

Một chỉ dẫn hữu ích hồi năm

**1830** PARIS

THỌ KHANG BẢO GIÁM CONFESSIONS

[www.facebook.com/tkbghoanghoaxa](http://www.facebook.com/tkbghoanghoaxa)

Nhóm nghĩa công

# CHẾT Ở TUỔI 17

“Những hậu quả chết người của sự thủ dâm”

*Một chỉ dẫn hữu ích hồi năm*

**1830**





LE LIVRE

SANS TITRE

Dédié

*Aux Jeunes Gens, et aux Pères  
et Mères de Famille*

*cette funeste habitude, fait mourir  
plus de jeunes gens que toutes les  
maladies du monde*

TISSOT

PARIS,

chez tous les Libraires.

1830



PHIÊN BẢN CỦA CUỐN SÁCH NÀY LÀ SỰ TÌM KIẾM CỦA  
JIM EDMONDSON, NGƯỜI ĐÃ TÌM TÒI CÁC TRANG MẠNG  
VÀ ĐĂNG CHÚNG TRÊN BLOG CỦA MÌNH.



*“Anh còn trẻ và đẹp trai....anh là niềm hy vọng của mẹ anh”*

*Anh còn trẻ và đẹp trai, anh là niềm tự hào và hân hoan của mẹ anh, tuy nhiên anh đã chết ở độ tuổi 17 trong nỗi thống khổ, mù lòa, bệnh tật và bại liệt. Nếu như anh hiểu được sự nguy hiểm chết người của sự thủ dâm thì anh đã có thể sống một đời sống tốt đẹp biết bao nhiêu.*

... Đây là lời cảnh tỉnh cho những thanh thiếu niên nước Pháp được xuất bản trong cuốn **“Le livre sans titre”** (Quyển Sách Không Tựa Đề) vào năm 1830. Vào thời đó, sự thủ dâm được các nhà đạo đức - luân lý học và các thầy thuốc, y bác sỹ xem như là một chứng bệnh dẫn đến sự chết yểu.



Vào năm 1716, Tiến sĩ **Balthazar Bekker** đã xuất bản một cuốn sách nhỏ về “tội ác” của sự “tự ô nhiễm” mang tên “**Onania**”, nhằm cảnh báo đến những độc giả nhất là giới trẻ rằng việc “tự thủ dâm” sẽ dẫn đến:

*Các rối loạn dạ dày và tiêu hoá, ăn mất ngon, ối và nôn mửa, suy nhược cơ thể, ho khan, khàn giọng, tê liệt, suy yếu cơ quan hô hấp, thiếu ham muốn tình dục, rối loạn thị giác và thính giác, tai biến mạch máu não, làm suy giảm một cách tổng thể tình trạng sức khỏe, xanh xao, gầy gò, trên mặt nổi mụn nhọt, suy giảm trí tuệ, mất trí nhớ, lên cơn thịnh nộ, chứng rò dãi, chứng si, chứng động kinh, phát sốt và cuối cùng là tự tử, v.v...*

Sau đó, trong quyển “**A Medicinal Dictionary**” năm 1745, tiến sĩ **Robert James** đã tuyên bố rằng người có thói quen thủ dâm phải chịu trách nhiệm về những rối loạn khó chữa nhất và thường là những rối loạn không chữa được.

Ngoài ra, cũng có một cuốn sách y khoa khác có tên **L’Onanisme** của bác sĩ **Samuel-Auguste Tissot** đã cho biết *tình dịch* giống như một loại dầu thiết yếu cho cơ thể và nếu lãng phí nó thông qua việc thủ dâm thì sẽ dẫn đến:

*“... sự suy giảm về sức mạnh, trí nhớ, thậm chí là lý trí; mờ mắt, tất cả các rối loạn về thần kinh, tất cả các loại bệnh về gout và thấp khớp, suy yếu các cơ quan của cơ thể, tiểu ra máu, rối loạn sự thèm ăn, nhức đầu và một số lượng lớn các rối loạn khác.”*

Những vị bác sĩ này không phải là những người ngu dốt, mà họ là những nhà khoa học có uy tín và đáng kính đang làm việc trong thời kỳ Khai Sáng. Không có gì đáng ngạc nhiên khi những quan điểm về khoa học và thông tin dường như trở nên phổ biến vào thế kỷ 19 rằng chúng có thể kết thúc như một câu chuyện cảnh báo của **Le livre sans titre**. (Quyển Sách Không Tựa Đề)



*'He was young and handsome...his mother's hope.'*  
“Anh còn trẻ và đẹp trai... anh là niềm hy vọng của mẹ anh”

Tuổi mười bảy, thanh niên trai tráng  
Nét khôi ngô, sáng lạng hơn người  
Con ơi! cha mẹ mỉm cười  
Con là hy vọng ngất trời mẹ cha



*Il s'est corrompu!...bientôt il porte la peine de sa  
faute : vieux avant l'âge....son dos se courbe....*

*'He became corrupted! Soon his crime makes him old before  
his time. His back becomes hunched.'*

*'Anh đã bước vào con đường sai lầm! Sự thủ dâm đã khiến  
anh già đi trước tuổi. Lưng anh trở nên cong gù.'*

Đời đưa đẩy anh sa cạm bẫy  
Tương lai anh khép lại từ đây  
Thủ dâm khiến xác hao gầy  
Anh già trước tuổi, lưng nay đã gù





*Un feu dévorant embrase ses entrailles; il souffre  
d'horribles douleurs d'estomac....*

*'A devouring fire burns up his entrails; he suffers from horrible stomach pains.'*

*'Một ngọn lửa hùng hực như đang thiêu đốt ruột gan anh và anh  
phải chịu đựng những cơn đau dạ dày khủng khiếp.'*

Kìa lửa cháy, bởi lòng tham dục  
Đốt tâm can, đốt cả vinh quang  
Dạ đau quặn thắt kinh hoàng  
Anh ôm bụng khóc hai hàng lệ tuôn



*Voyez ces yeux naquères si purs, si brillants; ils sont  
éteints ! une bande de feu les entoure .*

*‘See his eyes once so pure, so brilliant: their gleam is gone! A band of  
fire surrounds them.’*

*‘Đôi mắt trong sáng ngày xưa của anh không còn nữa, thay vào  
đó là một cặp mắt rực lửa bao quanh’*

Nhớ hồi bé, anh hồn nhiên lắm  
Mắt ngây thơ lóng lánh lương tri  
Đời ơi! định mệnh một khi  
Mắt thơ hóa mắt, lửa bì quấn quanh





*Il ne peut plus marcher... ses jambes fléchissent...*

*'He can no longer walk; his legs give way.'*

*'Đôi chân anh không còn đi vững vàng được nữa; có lúc anh như muốn sụp ngã.'*

Tích tắc tắc..., đồng hồ đếm ngược  
Chân liêu xiêu, anh bước ngã nghiêng  
Bước đi tới chỗ nằm yên  
Bước đi tới chỗ nội biên tử thần





*Des songes affreux agitent son sommeil.....il nè  
peut dormir....*

*'Dreadful dreams disturb his rest; he cannot sleep.'*

*'Những cơn ác mộng thường hay xuất hiện trong giấc ngủ của anh,  
khiến anh không còn ngủ ngon giấc được.'*

Anh hoảng sợ vì cơn ác mộng  
Nó theo anh trong giấc ngủ mê  
Ngủ không an, trí não nề  
Thân hình tiêu tụy trăm bề thảm thương



*Ses dents se gâtent et tombent....*

*'His teeth become rotten and fall out.'*

*'Miệng anh trở nên hôi thối và hàm răng lung lay gần như muốn rụng ra ngoài.'*

Mùi hôi thối, bốc từ cửa miệng  
Răng lung lay, từng chiếc tiễn đưa  
Đón đau như cắt như cưa  
Nói sao cho rõ, cho vừa, cho thông





*'His chest is burning up. He coughs up blood...'*  
*'Ngực anh trở nên nóng ran và anh ho ra máu...'*

Ôi máu đỏ, một màu máu đỏ  
Đã tuôn rơi từng giọt ho khan  
Tiếng ho thất thểu xóm làng  
Ngực anh nóng rát, “lửa vàng” đốt thiêu



*Ses cheveux, si beaux, tombent comme dans la vieillesse; sa tête se dépouille avant l'âge....*

*'His hair once so beautiful is falling out like an old man's; early in life he is becoming bald.'*

*'Mái tóc của anh "đẹp" như một ông lão; mới tuổi đầu đã hói nửa hơn.'*

Ôi mái tóc, xanh rờn rậm rạp  
Sóng trần đời, đã cuốn em đi  
Em đi trông nổi lâm ly  
Em đi để lại những gì xác xơ





*Il a faim; il veut apaiser sa faim; les aliments ne  
peuvent séjourner dans son estomac....*

*'He is hungry and wants to eat; no food will stay in his stomach.'*  
*'Anh rất muốn ăn nhưng khi ăn thì thức ăn không thể tiêu hoá  
trong dạ dày được.'*

Anh đói lắm, anh thèm ăn chứ!  
Trớ trêu thay, nuốt xuống chẳng tiêu  
Chẳng tiêu thì sẽ bị thiu  
Chúng lên men thối lắm điều hại thân



*Sa poitrine s'affaïsse....il vomit le sang....*

*'His chest is buckling. He vomits blood.'*

*'Anh cảm thấy ngực của mình như bị đè nặng và anh đã ói ra máu.'*

Kìa máu đỏ, lại là máu đỏ  
Đã tuôn trào như thác như xe  
Ngực như có đá đặt che  
Dường như quá tải, xuống ghe cũng chìm





*Tout son corps se couvre de pustules....il est horrible à voir!*

*'His entire body is covered with pustules, he is a horrible sight!'*  
'Trên thân anh nổi rất nhiều mụn mủ, thật là một cảnh tượng quá  
sức hãi hùng khủng khiếp'

Mụn với mủ là đau với đớn  
Người nhìn vào là ớn với ghê  
Hãi hùng một cảnh nhiều khê  
Anh nằm yên đó đợi về cỏ cây

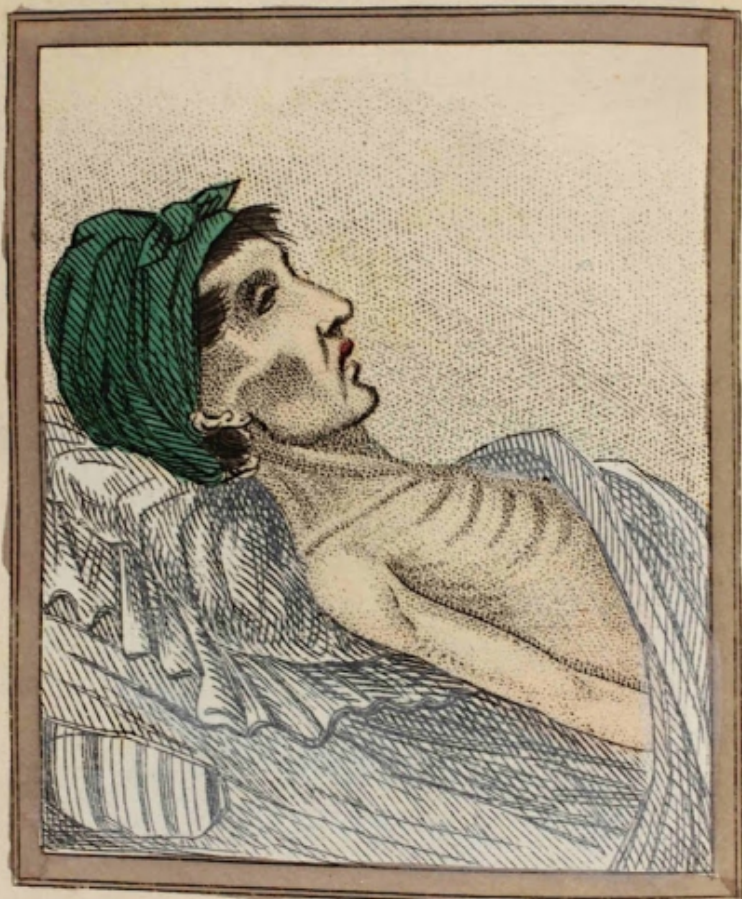


*Une fièvre lente le consume, il languit : tout son  
corps brule ....*

*'A slow fever consumes him. He languishes; his entire body is burning up.'*  
*'Một cơn sốt nhẹ cũng có thể tàn phá con người anh. Anh thấy mỗi  
mệt, khắp cơ thể anh dường như đang cháy hực lên.'*

Cơn sốt nhẹ, cũng làm điêu đứng  
Một con người đã quá suy hao  
Anh giờ mệt mỏi biết bao  
Thân như bốc hỏa, nước trào nổi khô





*Tout son corps se roidit!... ses membres cessent  
d'agir....*

*'His body is becoming completely stiff! His limbs stop moving.'*  
*'Thân thể anh đang trở nên cứng nhắc. Chân tay anh không còn  
cử động được nữa.'*

Chuyện gì đến, rồi cũng sẽ đến  
Anh cứng đờ tựa xác vô thần  
Tứ chi bất động xa gần  
Anh nằm yên đó mà lẫn phút giây



*Il délire; il se roidit contre la mort; la mort est plus forte....*

*'He raves; he stiffens in anticipation of coming death.'*

*'Miệng anh nói sảng, người cứng đờ ra trước cái chết cận kề.'*

Tiếng nói sảng, cất lên bi thống  
Người cứng đờ, cái chết lừng lơ  
Khác gì chuông nặng treo lơ  
Chỉ cơn gió thoảng, đứt tơ chuông là





*À 17 ans, il expire, et dans des tourments horribles*

*'At the age of 17, he expires in horrible torments.'*

*'Và anh đã trút hơi thở cuối cùng ở tuổi 17 trong sự đau đớn hoành hành của thể xác và sự đau buồn thương tiếc của người thân.'*

Tích tắc tắc..., đồng hồ đếm ngược  
Một tiếng “beng”, đã biệt tâm hơi  
Ôi đớn đau cho một kiếp người  
Cũng vì “dâm thủ” mà nên nỗi này!